

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm học 2023 - 2024

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Tiểu học Trần Quốc Toản

2. Địa chỉ: Số 41/313 đường Đà Nẵng - Phường Cầu Tre - Quận Ngô Quyền
– Thành phố Hải Phòng

Website: <https://thtranquoctoanngoquyen.haiphong.edu.vn>

Email: th-tranquoctoan@ngoquyen.edu.vn

Facebook <https://www.facebook.com/TieuhocTranQuocToanHaiPhong>

3 Loại hình của cơ sở giáo dục: Trường Tiểu học công lập

Cơ quan quản lý trực tiếp UBND quận Ngô Quyền và Phòng GD&ĐT quận Ngô Quyền chỉ đạo chuyên môn.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường

- *Sứ mệnh:* Xây dựng môi trường học tập lành mạnh, thân thiện, tích cực, có nền nếp, kỷ cương, đạt chất lượng giáo dục cao để mỗi giáo viên và học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng, tư duy sáng tạo và kỹ năng ứng dụng của mình, thích ứng nhanh trong quá trình hòa nhập vào cuộc sống.

- *Tầm nhìn:* Trở thành một trường giáo dục công lập có chất lượng cao, đào tạo những lớp học sinh khoẻ về thể chất, mạnh mẽ về trí lực. Đồng thời giáo dục học sinh phát triển toàn diện, có kỹ năng sống, luôn năng động, sáng tạo, có ý chí vươn lên tự tin trong sự phát triển mở cửa của đất nước.

Trường Tiểu học Trần Quốc Toản luôn hướng tới nền văn hoá giáo dục hiện đại, với những cách thức giao tiếp, truyền đạt mới mẻ giúp học sinh phát huy hết những năng lực tiềm ẩn của chính mình. Duy trì trường tiểu học đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 1.

- Hệ thống giá trị cơ bản của nhà trường:

+ Đoàn kết, hợp tác.

+ Kỷ cương, tình thương.

+ Tinh thần trách nhiệm

+ Chất lượng, hiệu quả.

+ Năng động, sáng tạo và đổi mới.

- Mục tiêu chiến lược của nhà trường:

+ Huy động toàn bộ đội ngũ Cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường tiếp tục thực hiện có hiệu quả hơn cuộc vận động “Học tập và làm theo tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, cuộc vận động “Mỗi thầy, cô giáo là tấm gương đạo đức - tự học - sáng tạo”; Tạo các mối quan hệ đúng đắn trong nhà trường; chăm sóc giáo dục học sinh rèn luyện đạo đức, lối sống; chấp hành tốt Pháp luật - kỷ cương - nề nếp, văn hóa nhà trường, ngoài xã hội và trong gia đình.

+ Phát triển đội ngũ CB-GV-NV vững vàng về chuyên môn, nghiệp vụ; tích cực đổi mới phương pháp dạy, học phù hợp và phát huy tính chủ thể đối với học sinh vùng nông thôn; luôn nêu cao ý thức và phấn đấu thực hiện tốt phong trào tự học tập, bồi dưỡng và hỗ trợ lẫn nhau trong việc phát triển chuyên môn và nhân cách nhà giáo của đội ngũ cán bộ, giáo viên của nhà trường.

+ Xây dựng môi trường sư phạm, văn hóa nhà trường qua việc phát huy tốt phong trào thi đua xây dựng “Trường học thân thiện - học sinh tích cực” với nội dung chủ yếu: tạo khung cảnh nhà trường luôn “Xanh - Sạch - Đẹp” môi trường sư phạm lành mạnh bên trong và xung quanh nhà trường; tạo sự đoàn kết gắn bó, tôn trọng nhau giữa các thành viên trong trường; hạn chế học sinh lưu ban, bỏ học; xây dựng phương pháp dạy - học tích cực cho học sinh ở trường, ở nhà; học tập theo nhóm, tổ và tổ chức các hoạt động ngoại khóa, NGLL để giáo dục truyền thống, rèn luyện sức khỏe, thẩm mỹ và kỹ năng sống cho học sinh.

+ Đổi mới công tác lãnh đạo và quản lý nhà trường; ứng dụng tích cực CNTT trong dạy học và quản lý. Xây dựng kế hoạch và huy động các nguồn lực từ nội tại và bên ngoài nhà trường trong đó chủ yếu là nguồn nội tại và của hội CMHS trường.

+ Tạo dựng được môi trường học tập, rèn luyện đạt chất; xây dựng được thương hiệu nhà trường và luôn tạo được niềm tin với cấp uỷ, chính quyền nhân dân địa phương.

+ Tổ chức thực hiện tốt quy mô trường có 100% học sinh được học 2 buổi/ngày và đầu tư chất lượng giáo dục mũi nhọn.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường Tiểu học Trần Quốc Toản nằm tại địa chỉ số 41/313 Đà Nẵng thuộc địa phận phường Cầu Tre, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Trường được thành lập ngày 19 tháng 1 năm 1974 với tên gọi “Phổ thông cấp I Trần Quốc Toản”. Năm 1974 - 2000 trường mang tên “Phổ thông cơ sở cấp I Trần Quốc Toản”, đến năm 2000 trường được mang tên “Trường Tiểu học Trần Quốc Toản”. Trường có diện tích trường là 2187m² gồm 01 sân chơi rộng 1002m² và 03 khu với 4 dãy nhà 3 tầng với tổng số 29 phòng học. Hiện nay nhà trường đã được quy hoạch khang trang với 29 phòng học đạt chuẩn 100%, đáp ứng nhu cầu học 2 buổi/ngày của 100% học sinh trên địa bàn. Trên chặng đường 50 năm xây dựng

và trưởng thành, các thế hệ thầy và trò nhà trường luôn đoàn kết; không ngừng nỗ lực phấn đấu thi đua dạy tốt, học tốt và đã đạt được những thành tích đáng tự hào góp phần vào thành tích chung trong sự nghiệp giáo dục của Quận và Thành phố; xứng đáng với niềm tin của nhân dân, các cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương.

Với bề dày 50 năm xây dựng và phát triển, đội ngũ nhà trường nhiều năm đạt danh hiệu Tập thể lao động Tiên tiến, Tập thể Lao động xuất sắc, được Chủ tịch UBND thành phố Hải Phòng tặng Bằng khen. Chi bộ nhà trường liên tục được công nhận là Chi bộ hoàn thành tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Công đoàn nhà trường liên tục được công nhận Công đoàn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nhiều năm liên nhận Bằng khen của Liên đoàn Lao động Thành phố. Chi đoàn đạt Chi đoàn văn minh cấp Thành phố. Công tác Đội và hoạt động ngoài giờ lên lớp duy trì vững chắc đơn vị nằm trong tốp đầu của Quận, nhiều năm liên đạt Liên đội mạnh cấp Thành phố, được tặng giấy khen, bằng khen các cấp. Với tổng số 68 cán bộ- giáo viên- nhân viên trong đó biên chế 48 đồng chí, 20 nhân viên hợp đồng thời vụ. $48/48 = 100\%$ cán bộ, giáo viên đạt trình độ chuẩn, trong đó trình độ Cao học: 04 đồng chí = 8,3%; $41/48 = 85,4\%$ cán bộ, giáo viên là đảng viên. 100% CBGVNV có chứng chỉ A,B tin học và ngoại ngữ. Đội ngũ giáo viên nhà trường vững vàng về chuyên môn nghiệp vụ, luôn có sự đồng thuận, đoàn kết nhất trí cao trong mọi hoạt động. Tổng số giáo viên đã đạt giáo viên dạy giỏi (GVĐG) cấp quận đạt 27/43 đạt 62,8%, giáo viên đạt GVĐG cấp thành phố đạt 13/43 đạt 30,2%.

Quy mô giáo dục luôn ổn định và phát triển. Chất lượng học sinh đại trà luôn ổn định vững chắc, tỉ lệ học sinh hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ học tập và rèn luyện hàng năm luôn đạt trên 80%. Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học, hoàn thành chương trình tiểu học đều đạt 100%. Trong các năm học qua, nhà trường luôn có nhiều học sinh đạt giải cao trong các cuộc thi Quốc gia, Hội nhập khu vực và Quốc tế. Nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm sáng tạo, qua đó phát hiện học sinh có năng khiếu, bồi dưỡng nhân tài, rèn kỹ năng sống, giúp học sinh học tập một cách tích cực, chủ động, sáng tạo và phát triển toàn diện. Nhà trường có nhiều giải pháp hỗ trợ trẻ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ khuyết tật được tới trường học tập, không có học sinh bỏ học. Mô hình thí điểm Giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật của nhà trường được đánh giá cao, đón nhiều đoàn tham quan của các tỉnh thành bạn về tham quan, học tập. Chất lượng giáo dục của nhà trường luôn được khẳng định ở

vị trí tốp đầu của quận.

Trong nhiều năm qua cán bộ giáo viên, học sinh nhà trường luôn nỗ lực phấn đấu, học tập và lao động sáng tạo theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Với mục tiêu tất cả cho sự nghiệp trồng người cán bộ giáo viên nhà trường luôn làm tốt việc huy động các nguồn lực xã hội cho sự phát triển của nhà trường.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

- Bà: Lê Thị Hoa
- Chức vụ: Bí thư Chi Bộ - Hiệu trưởng;
- Địa chỉ làm việc: Số 41/313 đường Đà Nẵng - Phường Cầu Tre - Quận Ngô Quyền – Thành phố Hải Phòng
- Số điện thoại: 0836963391
- Email: hoa.thnguyenkhuyen@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

a. Quyết định thành lập trường:

- Quyết định số 12/QĐ ngày 19 tháng 1 năm 1974 của Sở Giáo dục Hải Phòng thành lập Trường phổ thông cấp 1 Trần Quốc Toàn.
- Đến năm 1996, trường được đổi tên thành Trường tiểu học Trần Quốc Toàn do Ủy ban nhân dân Quận Ngô Quyền ban hành quyết định.

b. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

Quyết định số: 2936/QĐ-UBND ngày 04/11/2022 của UBND quận Ngô Quyền.

STT	Họ và tên	Chức vụ hiện nay	Chức danh hội đồng trường
1	Lê Thị Hoa	Hiệu trưởng	Chủ tịch hội đồng
2	Bùi Thị Lệ Hằng	Phó Hiệu trưởng, Chủ tịch Công đoàn	Phó chủ tịch hội đồng
3	Đinh Thị Hiền	Tổ trưởng Tổ Văn phòng	Thư ký
4	Phí Thị Hồng Vân	Phó Chủ tịch UBND phường Cầu Tre	Ủy viên
5	Nguyễn Bá Đông	Bí thư Đoàn TNCS HCM	Ủy viên
6	Bùi Thị Lê	Tổ trưởng CM tổ 1-2-3	Ủy viên
7	Phạm Thị Vượng	Tổ trưởng CM tổ 4-5	Ủy viên
8	Vũ Thị Ngọc Châu	Tổ trưởng CBTC	Ủy viên

9	Nguyễn Quốc Tĩnh	Trưởng Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường	Ủy viên
---	------------------	--	---------

c) *Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng cơ sở giáo dục*

- Quyết định bổ nhiệm giữ chức vụ Hiệu trưởng đối với bà Lê Thị Hoa số: 959/QĐ-UBND ngày 30/5/2022 của UBND quận Ngô Quyền;

- Quyết định bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng đối với bà Vũ Thị Thanh Nhân số 2558/QĐ-UBND ngày 05/9/2023 của UBND quận Ngô Quyền;

- Quyết định bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng đối với bà Đoàn Thị Thanh Hải số 1983/QĐ-UBND ngày 16/8/2022 của UBND quận Ngô Quyền;

d) *Quy chế tổ chức và hoạt động*: Thông tư số: 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học;

- Cơ chế hoạt động của trường Tiểu học Trần Quốc Toản

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình 3 cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành;

Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn:

Trường Tiểu học Trần Quốc Toản có vị trí địa lý thuận lợi, giao thông thuận tiện, khung cảnh đẹp, có điều kiện để xây dựng trường trở thành một trường Tiểu học trọng điểm của địa bàn phường Cầu Tre.

Trường Tiểu học Trần Quốc Toản là cơ sở giáo dục phổ thông (GDPT) của

hệ thống GD quốc dân, cung cấp dịch vụ GD công lập, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Phòng GD&ĐT quận Ngô Quyền, Hải Phòng.

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về GD, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục (KHGD) của nhà trường theo chương trình GDPT do Bộ GD&ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh (HS), tổ chức và cá nhân trong các HĐGD.

- Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý HS theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Thực hiện kế hoạch phổ cập GD trong phạm vi được phân công.

- Tổ chức cho GV, nhân viên (NV), HS tham gia các hoạt động xã hội.

- Quản lý GV, NV theo quy định của pháp luật.

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục (HĐGD) theo quy định của pháp luật.

- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất (CSVC), trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng GD, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng GD, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở GD trong quản lý các HĐGD; bảo đảm việc tham gia của HS, gia đình và xã hội trong quản lý các HĐGD theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

Tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng theo mục tiêu, chương trình giáo dục Phổ thông 2018 do Bộ trưởng GD&ĐT ban hành.

Thực hiện nhiệm vụ theo chủ trương của Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT quận, Kế hoạch năm học của trường theo từng năm học.

- Thông tin lãnh đạo nhà trường

Họ tên	Năm sinh	Chức vụ	Số điện thoại	Email
Lê Thị Hoa	1975	Hiệu trưởng	0836963391	hoa.thnguyenkhuyen@gmail.com
Vũ Thị Thanh Nhân	1975	PHT	0936778875	vunhan1975@gmail.com
Đoàn Thị Thanh	1977	PHT	0946406106	doanhai.cva1@gmail.

Hải				com
-----	--	--	--	-----

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
I	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	47		04	43				01	13	33				
	Giáo viên	43		01	42					13	30	41	2		
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:	06			06										
1	Tiếng dân tộc														
2	Ngoại ngữ	03			03						03	03			
3	Văn hóa	36		01	35					08	27	34	2		
4	Tin học														
5	Âm nhạc	01			01						01	01			
6	Mỹ thuật	02			02					01	01	02			
7	Thể dục	0													
8	Tổng phụ trách	01			01					01		01			
II	Cán bộ quản lý	03		03	0						03				
1	Hiệu trưởng	01		01							01	01			
2	Phó hiệu trưởng	02		02							02	02			
III	Nhân viên	02			01										
1	Nhân viên văn thư	0													
2	Nhân viên kế toán	01			01										
3	Thủ quỹ	0													
4	Nhân viên y tế	0													
5	Nhân viên thư viện	01			01										
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	0													
7	Nhân viên công nghệ thông tin	0													
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0													

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	28/28	
II	Loại phòng học		

1	Phòng học kiên cố	28	1,2 m ² /1 HS
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ, mượn	0	
III	Số điểm trường lẻ	1	
IV	Tổng diện tích đất (m ²)	2187m ²	2,1m ² /1HS
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	1100m ²	1,08m ² /1HS
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	1276m ²	1,2m ²
2	Diện tích thư viện (m ²)	44m ²	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất (nhà đa năng) (m ²)	0	0
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	0	0
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	0	0
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	44m ²	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	30m ²	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	20m ²	
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	20 m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 1	06 bộ	
1.2	Khối lớp 2	05 bộ	
1.3	Khối lớp 3	06 bộ	
1.4	Khối lớp 4	0 bộ	
1.5	Khối lớp 5	0 bộ	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	12 bộ	
2.1	Khối lớp 1	0	
2.2	Khối lớp 2	01	
2.3	Khối lớp 3	0	
2.4	Khối lớp 4	5 bộ	
2.5	Khối lớp 5	06 bộ	
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	59 bộ	
	- 01 phòng Tin học	29 bộ	
	- 28 phòng học	28 bộ	
	- Máy tính xách tay	02 bộ	

IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		
1	Ti vi	30 Chiếc	
2	Cát xét	02 Cái	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	01 Cái	
5	Máy phô tô	01	
6	Máy in	08 Cái	
7	Âm li	03 cái	
8	Loa	04 cái	

	Nội dung	Số lượng(m ²)			
X	Nhà bếp	01 (80m ²)			
XI	Nhà ăn	0			
	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ	
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	19 phòng (800 m ²)	800	1,0 m ² / Chỗ	
XIII	Khu nội trú	0	0	0	
XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh
			Chung	Nam/Nữ	Chung Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	02	0	5/5	0 0,09m ² /1HS
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0 0
			Có		Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	Có			
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	Có			
XVII	Kết nối internet	Có			
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	Có			
XIX	Tường rào xây	Có			

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG

a. Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn đạt kiểm định chất lượng mức độ 1 năm 2023

b. Kết quả tự đánh giá năm học 2023 – 2024

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả	
	Không đạt	Đạt

		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường				
Tiêu chí 1.1		x		
Tiêu chí 1.2		x		
Tiêu chí 1.3		x		
Tiêu chí 1.4		x		
Tiêu chí 1.5		x		
Tiêu chí 1.6		x		
Tiêu chí 1.7		x		
Tiêu chí 1.8		x		
Tiêu chí 1.9		x		
Tiêu chí 1.10		x		
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh				
Tiêu chí 2.1			x	
Tiêu chí 2.2			x	
Tiêu chí 2.3			x	
Tiêu chí 2.4			x	
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học				
Tiêu chí 3.1		x		
Tiêu chí 3.2		x		
Tiêu chí 3.3		x		
Tiêu chí 3.4		x		
Tiêu chí 3.5		x		
Tiêu chí 3.6		x		
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội				
Tiêu chí 4.1		x		
Tiêu chí 4.2		x		
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục				
Tiêu chí 5.1		x		
Tiêu chí 5.2		x		
Tiêu chí 5.3		x		
Tiêu chí 5.4		x		

Tiêu chí 5.5		x		
--------------	--	---	--	--

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Học sinh

Khối	Số lớp	Số HS	2 buổi/ngày			Bán trú		Bình quân HS/lớp	HS khuyết tật
			Lớp	HS	%	Lớp	HS		
1	6	182	6	182	100	6	161	30	2
2	6	222	6	222	100	6	178	37	1
3	5	222	5	222	100	5	161	44	4
4	6	223	6	223	100	6	157	37	1
5	5	199	5	199	100	5	121	39	2
Toàn trường	28	1048	28	1048	100	28	778	37	10

2. Cam kết chất lượng giáo dục

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	Tất cả HS sinh năm 2018 trở về trước thuộc địa bàn phường Đông Khê đều được tuyển sinh.	Tất cả HS 7-10 tuổi trong và ngoài địa bàn đều được tuyển sinh. Yêu cầu: HS đã học xong chương trình lớp 1.	Tất cả HS 8-11 tuổi trong và ngoài địa bàn đều được tuyển sinh. Yêu cầu: HS đã học xong chương trình lớp 2	Tất cả HS 9-12 tuổi trong và ngoài địa bàn đều được tuyển sinh. Yêu cầu: HS đã học xong chương trình lớp 3	Tất cả HS 10-13 tuổi trong và ngoài địa bàn đều được tuyển sinh. Yêu cầu: HS đã học xong chương trình lớp 4
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Thực hiện Chương trình GDPT 2018 (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).				
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Nhà trường sẽ thông báo kết quả giáo dục Đạo đức lối sống và năng lực học tập của học sinh theo từng tháng, từng học kì; gia đình phải liên hệ thường xuyên với GVCN, với ban giám hiệu để cùng phối hợp giáo dục HS. HS phải thực hiện đầy đủ 4 nhiệm vụ của một HS Tiểu học, chấp hành đầy đủ nội quy của nhà trường.				

IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Trong năm học, nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khoá, các chuyên đề Đội cấp Quận và Thành phố, các buổi sinh hoạt Đội theo nội dung các chủ điểm tháng, tổ chức các trò chơi dân gian, lồng ghép giáo dục kỹ năng sống, tổ chức tham quan học tập hướng về nguồn cội để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh.
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Cuối năm học, tất cả HS đều được đánh giá 100% Đạt về năng lực, phẩm chất. - Cuối năm học, HS đều đạt được Chuẩn kiến thức-Kỹ năng theo quy định của từng khối lớp, phần đầu có 99->100% HS chuyển lớp và 100% học sinh lớp 5 được công nhận hoàn thành chương trình Tiểu học. - Duy trì sĩ số: 100% - Cuối năm học, 100% HS đều có đủ sức khỏe để tiếp tục học tập, sinh hoạt, vui chơi.
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Cuối năm học, các em HS đều đảm bảo được trang bị đủ kiến thức, kỹ năng để tiếp tục theo học các lớp trên.

3. Thông tin chất lượng giáo dục năm học 2023 – 2024

TT	Nội dung	Tổng số	Chia theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	1048	182	222	222	223	199
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	1048	182	222	222	223	199
III	Số học sinh khuyết tật học hòa nhập	10	02	1	4	1	2
IV	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất						
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1006	177	215	202	214	198
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	40	4	6	20	9	1
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	2	1	1	0	0	0
V	Số học sinh chia theo kết quả giáo dục						

1	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	994 (94,8%)	176 (96,7%)	211 (95 %)	199 (89,6%)	210 (94,1%)	198 (99,5%)
2	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	52 (4,9%)	5 (2,7%)	10 (4,5 %)	23 (10,4%)	13 (5,9%)	1 (0,5%)
3	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	02 (0,3%)	1 (0,6%)	1 (0,5 %)			
V	Tổng hợp kết quả cuối năm						
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1046	181	221	222	223	199
a	HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)	996	177	212	199	210	198
b	HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)	10	0	2	2	1	5
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)	2	1	1	0	0	0

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo 2023	Năm trước liền kế năm báo cáo
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG		
I	Hỗ trợ chi thường xuyên; không thường xuyên từ ngân sách Nhà nước/ nhà đầu tư	6.770.792	6.770.792
	Thu DT ngân sách	10.038.068.320	7.021.419.000
	Chi ngân sách	10.044.839.112	7.015.799.336
	<i>Thặng dư = a+b-c</i>	14.473.204	12.390.456
II	Thu giáo dục và đào tạo	0	0
1	Học phí, lệ phí từ người học	0	0
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	0	0
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	0	0
4	Thu khác		
4.1	<i>Dịch vụ hỗ trợ cho hoạt động giáo dục dạy học 2 buổi/ ngày</i>	-887.128	60.179.825

	<i>Thu nhập khác</i>	287.236.095	223.344.290
	<i>Chi phí khác</i>	201.166.325	284.411.344
	<i>Thặng dư = a+b-c</i>	85.182.642	-887.128
4.2	Hỗ trợ phục vụ hoạt động chăm sóc bán trú	12.072.026	3.084.026
	<i>Thu nhập khác</i>	1.054.050.000	733.500.000
	<i>Chi phí khác</i>	1.066.350.800	724.512.000
	<i>Thặng dư = a+b-c</i>	-228.774	12.072.026
4.3	Phục vụ hoạt động bán trú cho cá nhân học sinh	21.848.000	0
	<i>Thu nhập khác</i>	181.360.000	171.300.000
	<i>Chi phí khác</i>	180.967.000	149.452.000
	<i>Thặng dư = a+b-c</i>	22.241.000	21.848.000
4.4	Phục vụ ăn bán trú	447.913.690	4.850
	<i>Thu nhập khác</i>	3.946.598.000	2.365.653.160
	<i>Chi phí khác</i>	3.950.411.821	2.231.663.160
	<i>Thặng dư = a+b-c</i>	444.099.869	447.913.690
4.5	Quản lý trẻ/học sinh ngoài giờ hành chính	152.234.860	2.035.910
	<i>Thu nhập khác</i>	2.469.870.000	1.714.788.950
	<i>Chi phí khác</i>	2.599.776.100	1.564.590.000
	<i>Thặng dư = a+b-c</i>	22.328.760	152.234.860
4.6	Tiếng Anh nước ngoài	8.944.243	3.814.243
	<i>Thu nhập khác</i>	1.356.400.000	860.260.000
	<i>Chi phí khác</i>	1.239.999.800	855.130.000
	<i>Thặng dư = a+b-c</i>	125.344.443	8.944.243
4.7	Tiền Tin học	47.872.500	0
	<i>Thu nhập khác</i>	193.814.000	96.204.000
	<i>Chi phí khác</i>	239.002.000	48.331.500
	<i>Thặng dư = a+b-c</i>	2.684.500	47.872.500
4.8	Tiếng Anh người Việt	158.560.500	0
	<i>Thu nhập khác</i>	389.720.000	197.790.000
	<i>Chi phí khác</i>	550.747.000	39.229.500

	Thặng dư = $a+b-c$	-2.466.500	158.560.500
4.9	Dịch vụ nước uống cho học sinh	44.234.483	15.983
	Thu nhập khác	150.500.000	72.082.500
	Chi phí khác	194.720.000	27.864.000
	Thặng dư = $a+b-c$	14.483	44.234.483
4.10	Chăm sóc sức khỏe ban đầu	12.994.486	2.065.691
	Thu nhập khác	45.432.814	38.351.295
	Chi phí khác	37.929.000	27.422.500
	Thặng dư = $a+b-c$	20.498.300	12.994.486
4.11	Vòng tay bè bạn	23.377.800	18.730.300
	Thu nhập khác	42.080.000	44.400.000
	Chi phí khác	41.838.250	39.752.500
	Thặng dư = $a+b-c$	23.619.550	23.377.800
4.12	Vận động tài trợ	35.412.057	3.532.057
	Thu nhập khác	148.150.057	295.882.057
	Chi phí khác	183.558.000	260.470.000
	Thặng dư = $a+b-c$	4.057	35.412.057
4.13	Quỹ hội CMHS	266.424	60.000.000
	Thu nhập khác	56.661.000	17.000.000
	Chi phí khác	56.661.000	76.733.576
	Thặng dư = $a+b-c$	266.424	266.424
4.14	Lợn siêu trọng	2.677.040	17.655.340
	Thu nhập khác	29.510.000	13.325.000
	Chi phí khác	28.403.840	28.303.300
	Thặng dư = $a+b-c$	3.783.200	2.677.040
4.15	Quỹ Phúc lợi	15.337.000	18.708.950
	Thu nhập khác	272.478.849	146.622.000
	Chi phí khác	291.699.000	149.993.950
	Thặng dư = $a+b-c$	-3.883.151	15.337.000
4.16	Quỹ phát triển hoạt động	0	0
	Thu nhập khác	31.503.549	0

	Chi phí khác	0	0
	Thặng dư = $a+b-c$	31.503.549	0
IV	Chênh lệch thu- chi nguồn khác	774.992.352	990.632.979
	Chênh lệch thu chi nguồn ngân sách	14.473.204	12.390.456
C	CHÊNH LỆCH THU CHI	789.465.556	1.003.023.435

VIII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Chất lượng học sinh mũi nhọn

Tổng số giải: 877 giải, cụ thể:

- Cấp quận: 14 giải
- Cấp Thành phố: 04 giải
- Cấp Quốc gia: 01 giải
- Các cuộc thi khu vực và hội nhập Quốc tế: 858 giải

2. Tổ chức các hoạt động

* Tổ chức các hoạt động tập thể vui tươi, lành mạnh:

- Tổ chức các chuyên đề mang tính điểm nhấn nhằm tuyên truyền giáo dục, rèn kỹ năng cho học sinh như:

- + 01 chuyên đề Đội cấp thành phố xếp loại xuất sắc: “Thiếu nhi làm theo lời Bác”
- + 01 Chuyên đề cấp quận: “Nói không với rác thải nhựa vì một môi trường xanh”
- + 05 chuyên đề cấp Liên đội: “An toàn giao thông cho em; Thiếu nhi với an toàn an ninh biển đảo; Xuân gắn kết – Tết yêu thương; Thiếu nhi vui khỏe - Tiến bước lên Đoàn; Điều em cần biết”

+ Hoạt động trải nghiệm: Hải Phòng quê hương em”

- Tổ chức được 90 hoạt động; trong đó 18 buổi hoạt động giáo dục truyền thống, lịch sử quê hương đất nước, giáo dục về tinh thần tương thân tương ái; 32 buổi chào cờ theo nghi thức Đội TNTP Hồ Chí Minh; 32 buổi sinh hoạt Đội; 8 buổi sinh hoạt sao nhi đồng.

* Học sinh tham gia tìm hiểu, chăm sóc và phát huy giá trị các di tích lịch sử văn hoá, cách mạng ở địa phương:

- Tổ chức 02 buổi cho học sinh khối 4,5 viếng và dâng hương tại Nghĩa trang Liệt sĩ quận Ngô Quyền vào dịp 27-7, 22-12; 01 buổi thăm địa chỉ đỏ - di tích Đền Tiên Nga.

3. Kết quả đánh giá xếp loại các tổ chức đoàn thể

a. Chi bộ: Xếp loại Chi bộ hoàn thành Tốt nhiệm vụ

- b. Công đoàn: Hoàn thành Tốt nhiệm vụ
- c. Liên đội: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ

4. Kết quả đánh giá thi đua cuối năm

a. Xếp loại viên chức

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 10
- Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 38

b. Danh hiệu thi đua cá nhân:

- Lao động tiên tiến: 47/47
- Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở: 15/47

c. Danh hiệu thi đua tập thể:

- Nhà trường đạt danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến.

Trên đây là Báo cáo thường niên năm học 2023 – 2024 về thực hiện công khai trong hoạt động của trường Tiểu học Trần Quốc Toàn (theo quy định tại Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (để báo cáo);
- CBQL, GV, NV toàn trường;
- Niêm yết bảng tin;
- Website trường;
- Ban đại diện CMHS;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Hoa

